TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2017.
V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Hậu.

2. Bà Phí Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST - HNGĐ ngày 24/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Tổ 01, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Đức C, sinh năm 1985

ĐKHKTT: Tổ 01, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Tổ 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị T và anh C vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****) Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:***

Chị và anh Trần Đức C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2009 tại UBND phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng mẹ đẻ anh C tại địa chỉ: Tổ 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí đánh nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Đến đầu năm 2012, vợ chồng chuyển về sinh sống tại tổ 01, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây). Đến tháng 7/2013 thì vợ chồng ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Trần Đức C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung là Trần Vũ Trung H, sinh ngày 20/6/2009, hiện con ở cùng với anh C từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Ly hôn, chị đề nghị anh C trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Vũ Trung H, chị sẽ cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Hiện nay chị không có thai.

Về tài sản: Chị và anh C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

****) Bị đơn, anh Trần Đức C trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 10/02/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Đến đầu năm 2012, vợ chồng chuyển về tổ 01, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống, lúc này mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 7/2013 thì vợ chồng ly thân, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh về nhà mẹ đẻ (nơi anh đang cư trú) sinh sống cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mỗi người sống một nơi từ hơn 4 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Trần Vũ Trung H, sinh ngày 20/6/2009. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng con H, chị T không quan tâm, không có trách nhiệm gì với con.

Hiện nay anh và con đang ở cùng với mẹ đẻ của anh, anh là lao động tự do thu nhập khoảng 5.500.000đ/tháng nên anh có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao con Trần Vũ Trung H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi thì anh đồng ý.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

****) Ông Nguyễn Văn M – Tổ trưởng tổ dân phố số 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp nội dung sau:***

Từ tháng 6/2013 trở về trước thì anh Trần Đức C và chị Nguyễn Thị T cư trú tại tổ 01, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Đến tháng 7/2013, anh C và chị T xảy ra mâu thuẫn, anh C và con về nhà mẹ đẻ là bà Vũ Thị D tại địa chỉ tổ 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình cư trú và sinh sống đến nay, chưa đăng ký tạm trú. Ông thấy anh C và bà D nuôi dưỡng, chăm sóc con của anh C khỏe mạnh, phát triển bình thường.

****) Bà Vũ Thị D, sinh năm 1960 (là mẹ đẻ của anh Trần Đức C), trú tại tổ 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp nội dung như sau:***

Từ khi anh C và chị T ly thân (tháng 7/2013) đến nay, anh C và con là Trần Vũ Trung H, sinh ngày 20/6/2009 về sinh sống cùng bà tại địa chỉ trên, anh C và cháu H chưa đăng ký tạm trú. Nay anh C và chị T ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh C làm nghề tự do, thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng.

****) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Đức C.

+ Về con chung: Xử giao con Trần Vũ Trung H, sinh ngày 20/6/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh C không có tài sản chung, không có tài sản cho người khác vay, không nợ ai tài sản gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

+ Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Đức C vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và vắng mặt bị đơn là anh Trần Đức C.

[2] **Về nội dung:**

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đức C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong xây dựng kinh tế gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến tháng 7/2013 thì vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi cho đến nay. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh C là đúng pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh C có một con chung là Trần Vũ Trung H, sinh ngày 20/6/2009. Từ khi chị T và anh C ly thân đến nay thì con ở cùng anh C, anh C được sự hỗ trợ của mẹ đẻ nên đã nuôi dưỡng, chăm sóc con khỏe mạnh, phát triển bình thường, cuộc sống của con đang ổn định nên cần giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Vũ Trung H, chị T cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con.

Về tài sản: Chị T và anh C không có tài sản chung, không có tài sản cho người khác vay, không nợ ai tài sản gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: Điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

I/ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Đức C.

II/ Về con chung: Xử giao con Trần Vũ Trung H, sinh ngày 20/6/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị T và anh C có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

III/Về tài sản: Không đặt ra giải quyết .

IV/ Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006488 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí, chị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự, báo cho các dương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TPTB;
- UBND phường K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái